

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/02/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phận

Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Ông **Nguyễn Hoàng Danh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Lợi Thanh H**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng cư trú: tổ 17, khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 09/11/2021 nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Vào năm 1996 bà và ông Lợi Thanh H qua mai mối tiến đến hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, thành phố Cần Thơ (nay là phường An Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ). Nữ trang cưới có 02 chỉ vàng 18k, số vàng này vợ chồng đã bán chi tiêu hết.

Sau khi kết hôn bà và ông H về sống tại ấp T, xã L (nay là khóm T, thị trấn Q), huyện B, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 12 năm. Sau đó thì

phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm do chồng thường hay uống rượu, không chí thú làm ăn, về đến nhà thì không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà đã nhiều lần cố gắng khuyên ông H thay đổi nhưng không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện nay bà và ông H mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình chung sống bà và ông H có ba con chung là Lợi Nguyễn Hoàng P (sinh năm 1997) và Lợi Nguyễn M (sinh ngày 24/3/2005) và Lợi Nguyễn T (sinh ngày 29/6/2008). Cháu Hoàng P đã trưởng thành, còn cháu M và cháu T đang sống với bà. Trong thời gian chung sống bà và ông H không tạo ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ ông, bà.

Nguyễn Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Lợi Thanh H

Về con chung: Bà L yêu cầu giải quyết cho bà được nuôi dưỡng cháu Lợi Nguyễn M và Lợi Nguyễn T, bà không yêu cầu ông Lợi Thanh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lợi Nguyễn Hoàng P đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2022 ông Lợi Thanh H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn năm 1996, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 12 năm. Đến năm 2008 bà L đi buôn bán và quen biết người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc nên vợ chồng hay cự cãi nhau, những lúc không cự cãi là bỏ mặc nhau, không nói chuyện gì với nhau suốt từ năm 2008 đến nay, ông và bà L cũng sống ly thân từ đó. Nay bà L xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông và bà L không còn là vợ chồng từ năm 2008, còn sống chung cũng không có hạnh phúc nên ông không yêu cầu giải quyết đoàn tụ. Ông không yêu cầu trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Do ông bận đi làm thường xuyên nên không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông cho đến khi vụ án kết thúc bằng một bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Các con muốn sống với ai thì ông thống nhất theo ý kiến của con

Về quan hệ tài sản: không có, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L trình bày: Trong thời gian chung sống bà và ông H hay phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau đến mức trầm trọng nên bà thường không sống ở nhà mà thuê nhà trọ ở thị xã B đi làm và sinh sống. Tại phiên tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Lợi Thanh H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật

về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định và bị đơn thì chưa chấp hành đúng quy định (bị đơn còn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/12/2021 và 20/12/2021).

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lợi Thanh H. Về con chung tên Lợi Nguyễn M và Lợi Nguyễn T giao cho bà L nuôi dưỡng, ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con; ông H được quyền tới lui thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, bà L được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp nên không phải nộp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nguyên đơn Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lợi Thanh H có nơi cư trú tại tổ 17, khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, bị đơn Lợi Thanh H tuy vắng mặt nhưng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt ông nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét bà Nguyễn Thị L và ông Lợi Thanh H chung sống có kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà L và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Xét việc bà Nguyễn Thị L xin ly hôn với ông Lợi Thanh H là có cơ sở chấp nhận. Bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị L (*tại đơn khởi kiện và bản khai ngày 09/11/2021*) (BL 01 – 02) thì trong cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Lợi Thanh H thường xuyên bất đồng quan điểm do ông H thường hay uống rượu, không chí thú làm ăn, về đến nhà thì không quan tâm chăm sóc vợ con từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nhưng ông Lợi Thanh H lại cho rằng từ năm 2008 bà L đi buôn bán và quen biết người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng hay cự cãi nhau, những lúc không cự cãi là bỏ mặc

nhau, không nói chuyện gì với nhau, ông và bà L đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Với những mâu thuẫn nêu trên thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, cho bà L ly hôn với ông Lợi Thanh H

[3.2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu giải quyết cho bà được nuôi cháu Lợi Nguyễn M và Lợi Nguyễn T, bà không yêu cầu ông Lợi Thanh H cấp dưỡng nuôi các con; cháu M và cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ, ông H thì có ý kiến thống nhất theo ý kiến của các con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cháu Lợi Nguyễn M và Lợi Nguyễn T cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng đến khi cháu M và cháu T đủ 18 tuổi. Ông Lợi Thanh H được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Đối với cháu Lợi Nguyễn Hoàng P đã trưởng thành nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong vụ án này bà Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Lợi Thanh H cấp dưỡng nuôi cháu Lợi Nguyễn M và Lợi Nguyễn T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản*: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Nguyễn Thị L ly hôn với ông Lợi Thanh H

1.2. *Về con chung*: Giao cháu Lợi Nguyễn M và Lợi Nguyễn T cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi cháu M và cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Ông Lợi Thanh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lợi Thanh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh H còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị L nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí bà L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013291 ngày 09/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND phường An Hòa, quận Bình Thủy, TPCT: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

Huỳnh Ngọc Sương